



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ
HOLDING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 50/2021/CV- LMH

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 12 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGĐCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Quốc Tế Holding
- Mã chứng khoán: LMH
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 45 đường An Phú, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 028.73087997 Fax: 028.73097997
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Quang Hưng
- Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
- Nội dung công bố thông tin: Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 của Công ty CP Quốc Tế Holding đã được soát xét.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: HC.

Nguyễn Quang Hưng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOLDING

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(đã được soát xét)

Công ty Cổ phần Quốc tế Holding

Số 45, Đường An Phú, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 32
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 32



Công ty Cổ phần Quốc tế Holding

Số 45, Đường An Phú, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Holding (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

Công ty Cổ phần Quốc tế Holding được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311803955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 5 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 01 tháng 9 năm 2021 về việc thay đổi tên Công ty, người đại diện theo pháp luật, địa chỉ email và website của Công ty.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 45, Đường An Phú, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông: Nguyễn Xuân Thùy	Chủ tịch	Ngày 17/8/2021	
Ông: Lương Quang Vinh	Chủ tịch	Ngày 23/5/2017	Ngày 16/8/2021
Ông: Võ Văn Tuấn	Thành viên	Ngày 16/8/2021	
Bà: Nguyễn Lan Hương	Thành viên	Ngày 16/8/2021	
Ông: Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Ngày 23/9/2021	Ngày 23/9/2021
Bà: Bùi Thị Ngân	Thành viên	Ngày 23/9/2021	Ngày 23/9/2021
Ông: Trương Hoàng Vũ	Thành viên	Ngày 15/01/2019	Ngày 24/3/2021
Ông: Đoàn Thế Linh	Thành viên	Ngày 15/01/2019	Ngày 24/3/2021
Bà: Đỗ Thị Phương	Thành viên	Ngày 20/9/2017	Ngày 30/6/2020
Ông: Võ Ngọc Huy	Thành viên	Ngày 23/4/2019	Ngày 30/6/2020

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty và Kế toán trưởng trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà: Nguyễn Lan Hương	Tổng Giám đốc	Ngày 17/8/2021	
Bà: Bùi Thị Ngân	Tổng Giám đốc	Ngày 24/3/2021	Ngày 17/8/2021
Ông: Trương Hoàng Vũ	Tổng Giám đốc	Ngày 15/11/2018	Ngày 24/3/2021
Ông: Võ Ngọc Huy	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 27/02/2019	Ngày 20/01/2020
Ông: Đào Vũ Thiên Long	Kế toán trưởng	Ngày 10/01/2019	Ngày 24/3/2021
Bà: Trần Thị Thu Trang	Kế toán trưởng	Ngày 24/3/2021	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà: Phạm Thị Hằng	Trưởng ban	Ngày 16/8/2021	
Bà: Trần Thị Kim Phương	Thành viên	Ngày 16/8/2021	
Ông: Vũ Đức Doanh	Thành viên	Ngày 16/8/2021	
Bà: Bùi Thị Luyến	Trưởng ban	Ngày 15/01/2019	Ngày 16/8/2021
Ông: Trần Minh Tường	Thành viên	Ngày 15/01/2019	Ngày 16/8/2021
Bà: Vũ Thị Minh Thủy	Thành viên	Ngày 15/01/2019	Ngày 16/8/2021

Công ty Cổ phần Quốc tế Holding

Số 45, Đường An Phú, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Lan Hương

Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2021



CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO

📍 Số 2, ngõ 308 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
☎ 08.2509.2007 📠 0102374770 🌐 ascovietnam.com 🌐 www.ascovietnam.com



Số: 127/2021/ASCO/BCKT-NV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quốc tế Holding

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Holding được lập ngày 01 tháng 12 năm 2021, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410-Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Mọi cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê hàng hóa tồn kho của Công ty tại ngày 30/6/2021 với giá trị ghi sổ là 15.942.230.303 đồng do thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán viên. Với các tài liệu được cung cấp và bằng các thủ tục kiểm toán khác, chúng tôi chưa thể khẳng định được tính hiện hữu và tính đánh giá của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng nếu có của chúng đến các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính
- Chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thu xác nhận số dư tại ngày 30/6/2021 của các khoản Trả trước người bán số tiền 3.438.924.283 đồng, Phải thu khác số tiền 2.106.708.929 đồng, Phải trả người bán số tiền 16.829.324.899 đồng, Nhận ký quỹ ký cược số tiền 2.896.600.000 đồng do giới hạn về hồ sơ cung cấp. Chúng tôi cũng không thực hiện được các thủ tục thay thế. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh số dư các khoản mục Trả trước người bán, Phải thu về cho vay ngắn hạn, Phải thu khác, Phải trả người bán và Phải trả khác trên Báo cáo tài chính kết thúc cùng ngày hay không.

- Chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận số dư tại ngày 30/6/2021 của khoản Phải thu về cho vay số tiền 31.160.748.805 đồng. Với các tài liệu hiện có chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, quyền và nghĩa vụ, tính đánh giá đối với khoản mục Phải thu về cho vay và các khoản mục liên quan khác được trình bày trên Báo cáo tài chính.
- Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp liên quan đến việc Công ty nhận ứng trước tiền chuyển nhượng 70 quyền sử dụng đất tại Thọ Xuân, Thanh Hóa của ông Nguyễn Anh Tuấn số tiền 20.500.000.000 đồng và khoản nhận chuyển nhượng 70 lô đất tại Thọ Xuân, Thanh Hóa của ông Đới Sỹ Thiệp số tiền 25.000.000.000 đồng. Với các tài liệu hiện có, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, đầy đủ và các điều chỉnh cần thiết khác nếu có đến kết quả kinh doanh trong kỳ và các khoản mục liên quan khác được trình bày trên Báo cáo tài chính.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 8 tại Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty hiện đang có tranh chấp kiện tụng với Công ty TNHH Nông Hải sản Thương mại Dịch vụ Thiên Tuế để thu hồi khoản công nợ phải thu số tiền 19.300.000.000 đồng về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Việc tranh chấp này hiện đang được Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý và đang trong quá trình xem xét giải quyết.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Công ty lỗ 12.212.924.585 đồng và tại thời điểm 30/06/2021 Công ty lỗ lũy kế là 118.129.581.758 đồng, tương ứng 46,09% vốn chủ sở hữu. Đồng thời, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 9 và số 13 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày nợ gốc quá hạn thanh toán số tiền 134.055.055.985 đồng và khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh số tiền 23.751.144.114 đồng. Những sự kiện này cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2021 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về hoạt động liên tục.

Vấn đề nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO



Nguyễn Ngọc Tuyền
 Phó Tổng giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
 số: 1629-2018-149-1
 Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Quốc tế Holding
Số 45, Đường An Phú, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		462.836.635.308	465.793.135.153
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	3.715.259.644	1.322.793.269
111	1. Tiền		3.715.259.644	1.322.793.269
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	-	5.510.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	5.510.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		319.705.876.499	318.684.904.629
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	119.792.412.293	119.595.308.317
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	214.360.790.406	214.348.594.003
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	31.160.748.805	31.160.748.805
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	24.088.961.288	23.277.289.797
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	09	(69.697.036.293)	(69.697.036.293)
140	IV. Hàng tồn kho	10	127.840.909.846	128.349.040.973
141	1. Hàng tồn kho		127.840.909.846	128.349.040.973
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.574.589.319	11.926.396.282
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	10.638.869.149	10.638.896.149
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		935.720.170	1.287.500.133
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		500.000	578.188.643
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		500.000	500.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	08	500.000	500.000
220	II. Tài sản cố định		-	577.688.643
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	-	577.688.643
222	- Nguyên giá		33.000.000	850.863.636
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(33.000.000)	(273.174.993)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		462.837.135.308	466.371.323.796



Công ty Cổ phần Quốc tế Holding
Số 45, Đường An Phú, Phường An Phú, Thành phố
Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày
30/06/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		324.666.767.066	315.988.030.969
310	I. Nợ ngắn hạn		324.666.767.066	315.988.030.969
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	119.539.727.885	93.334.141.981
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	170.817.889.965	150.317.889.965
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	21.741.331	22.282.831
314	4. Phải trả người lao động		1.457.654.161	1.534.520.911
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	5.824.095.610	3.501.582.504
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.254.514.000	19.210.802.305
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	23.751.144.114	48.066.810.472
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		138.170.368.242	150.383.292.827
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	138.170.368.242	150.383.292.827
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		256.299.950.000	256.299.950.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		256.299.950.000	256.299.950.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(118.129.581.758)	(105.916.657.173)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(105.916.657.173)	(25.004.216.930)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(12.212.924.585)	(80.912.440.243)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		462.837.135.308	466.371.323.796

TP Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thọ

Trần Thị Thu Trang





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	21.945.327.671	3.282.406.116
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.945.327.671	3.282.406.116
11	4. Giá vốn hàng bán	21	25.689.949.309	308.234.545
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(3.744.621.638)	2.974.171.571
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	7.164.702	657.728.969
22	7. Chi phí tài chính	23	7.036.036.363	9.954.634.822
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.165.766.055	8.764.922.707
25	8. Chi phí bán hàng	24	322.374.960	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	732.389.476	46.825.108.325
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(11.828.257.735)	(53.147.842.607)
31	11. Thu nhập khác	26	-	10.500.000
32	12. Chi phí khác	27	384.666.850	16.391.408.785
40	13. Lợi nhuận khác		(384.666.850)	(16.380.908.785)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(12.212.924.585)	(69.528.751.392)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(12.212.924.585)	(69.528.751.392)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	(477)	(2.713)

TP Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đông Giám đốc

(Signature of Phạm Đức Thọ)

(Signature of Trần Thị Thu Trang)



Phạm Đức Thọ

Trần Thị Thu Trang

Nguyễn Lan Hương



Công ty Cổ phần Quốc tế Holding
Số 45, Đường An Phú, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(12.212.924.585)	(69.528.731.392)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		3.993.355.564	49.948.729.213
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.203.611	543.879.023
03	- Các khoản dự phòng		-	41.100.804.710
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(377.502.148)	(460.877.227)
06	- Chi phí lãi vay		4.359.654.101	8.764.922.707
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(8.219.569.021)	(19.580.022.179)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(469.164.907)	17.809.068.729
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		508.131.127	15.942.230.303
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		32.906.767.410	2.803.575.567
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	1.395.015.574
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.535.196.578)	(1.789.964.467)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		21.190.968.031	16.579.903.527
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	1.138.181.818
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.510.000.000	8.831.593.687
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.164.702	657.728.969
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		5.517.164.702	10.627.504.474
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(24.315.666.358)	(28.902.575.168)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(24.315.666.358)	(28.902.575.168)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.392.466.375	(1.695.167.167)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.322.793.269	3.206.140.913
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	3.715.259.644	1.510.973.746

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu: Phạm Đức Thọ
Kế toán trưởng: Trần Thị Thu Trang
Tổng Giám đốc: Nguyễn Văn Hương



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Holding được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311803955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 5 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 01 tháng 9 năm 2021 về việc thay đổi tên Công ty, người đại diện theo pháp luật, địa chỉ email và website của Công ty.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 45, Đường An Phú, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 256.299.950.000 đồng; tương đương 25.629.995 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Mã chứng khoán: LMH
Sàn giao dịch: UpCOM

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Dịch vụ, Bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - Chi tiết: Môi giới Bất động sản; sàn giao dịch bất động sản; Tư vấn bất động sản;
- Hoàn thiện Xây dựng Công trình

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Trong năm 2020, Doanh thu của Công ty giảm 94,1% so với năm trước do Công ty đã dừng kinh doanh mảng Xăng dầu (Doanh thu Xăng dầu chiếm đến 99,7% Doanh thu cùng kỳ trước) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 19/DHĐCĐ-2019 ngày 20/11/2019. Theo đó Đại hội đồng cổ đông quyết định loại bỏ ngành nghề kinh doanh Xăng dầu trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ngành nghề này bị giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài vào Công ty gây khó khăn cho việc huy động vốn kinh doanh. Do đó tại thời điểm 31/12/2020, Công ty lỗ lũy kế 105.916.657.173 đồng, tương ứng 41,33% vốn chủ sở hữu

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Văn phòng đại diện

Địa chỉ
86/4 Trần Phú, phường Lộc Thọ,
thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh
Hòa, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động theo ủy quyền của Công ty
Cổ phần Quốc tế Holding

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|--------|
| - Phương tiện vận tải | 06 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 năm |

2.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.
Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
--------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuận từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: Tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.18. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Công ty Cổ phần Quốc tế Holding
Số 45, Đường An Phú, Phường An Phú, Thành phố
Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến
ngày 30/06/2021

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	2.408.480.508	12.239.566
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.306.779.136	1.310.553.703
	3.715.259.644	1.322.793.269

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY BÁO HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	-	-	5.510.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	-	-	5.510.000.000	-
	-	-	5.510.000.000	-

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 8 đến 12 tháng với lãi suất từ 5,3% - 6,5% tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Hưng.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Eastern Tigers	46.628.746.333	23.314.373.167	46.628.746.333	23.314.373.167
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình	20.057.259.526	-	20.057.259.526	-
- Công ty Cổ phần Eco Galaxy	19.440.000.000	9.720.000.000	19.440.000.000	9.720.000.000
- Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	16.128.000.000	8.064.000.000	16.128.000.000	8.064.000.000
- Công ty Cổ phần Eco Petro	10.000.000.000	5.000.000.000	10.000.000.000	5.000.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	7.538.406.434	5.888.288.723	7.341.302.458	5.888.288.723
	119.792.412.293	51.986.661.890	119.595.308.317	51.986.661.890

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình (i)	210.921.866.123	-	210.921.866.123	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị	2.200.000.000	1.100.000.000	2.200.000.000	1.100.000.000
- Các khoản trả trước người bán	1.238.924.283	1.030.000.000	1.226.727.880	1.030.000.000
	214.360.790.406	2.130.000.000	214.348.594.003	2.130.000.000

(i) Ngày 01 tháng 11 năm 2017, Công ty Cổ phần Tư vấn- Đầu tư Xây dựng Ba Đình (Bên A) và Công ty Cổ phần Landmark Holding (nay là Công ty Cổ phần Quốc tế Holding) (Bên B) đã ký kết hợp đồng số 05/HĐUQ-BĐ, theo đó, Bên A ủy quyền cho bên B (cho thuê hoặc thuê mua) Tổ hợp Văn phòng dịch vụ thương mại tại Thành An Tower (nay là Manhattan Tower) tại số 21 Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội gồm 327 căn hộ và khu thương mại. Đến ngày 04 tháng 01 năm 2018, Công ty đã thanh lý hợp đồng 05/HĐUQ-BĐ, đồng thời ký thỏa thuận mua bán số 05/TTMB-BĐ, theo đó Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư Xây dựng Ba Đình chuyển nhượng toàn bộ Dự án Manhattan Tower cho Công ty. Sau khi thỏa thuận được ký kết Công ty phải thanh toán số tiền 250 tỷ đồng.

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Kyeongin Motor (i)	10.434.568.000	5.217.284.000	10.434.568.000	5.217.284.000
- Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương (ii)	20.726.180.805	10.363.090.403	20.726.180.805	10.363.090.403
	31.160.748.805	15.580.374.403	31.160.748.805	15.580.374.403

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau:

(i) Hợp đồng cho vay số 01/2018/HĐTD/LMH-KMV ngày 18/04/2018. Cho vay bằng hình thức tín chấp.

(ii) Khoản mượn tiền chưa có hợp đồng, thỏa thuận

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Công ty TNHH Nông Hải sản Thương mại Dịch vụ Thiên Tuế (i)	19.300.000.000	-	19.300.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.000.000	-
- Thuế TNDN tạm nộp	1.624.730.582	-	1.624.730.582	-
- Tạm ứng	58.482.000	-	270.455.000	-
- Lãi dự thu	181.528.082	-	181.528.082	-
- Trả thừa tiền mượn ông Lương Quang Vinh	812.511.695	-	-	-
- Phải thu khác (ii)	2.106.708.929	-	1.895.576.133	-
	24.088.961.288	-	23.277.289.797	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	500.000	-	500.000	-
	500.000	-	500.000	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan	812.511.695	-	63.000.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

Ghi chú:

(i) Công ty TNHH Nông Hải sản Thương mại Dịch vụ Thiên Tuế (Thiên Tuế) và Công ty Cổ phần Landmark Holding (nay là Công ty Cổ phần Quốc tế Holding) đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ tài sản Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đai tại địa chỉ lô 4-8 đường CN4 KCN Tân Bình, phường Tân Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh. Hiện đang tranh chấp kiện tụng tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú theo Giấy triệu tập đương sự tại Tòa án ngày 20 tháng 5 năm 2020 về vụ án "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

(ii) Các khoản phải thu không rõ đối tượng thu hồi công nợ

9. NỢ XẤU

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công nợ quá hạn thanh toán				
+ Phải thu khách hàng				
<i>Quá hạn từ 02 năm - 03 năm</i>				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Eastern Tigers	99.534.307.180	47.547.645.290	99.534.307.180	47.547.645.290
Công ty Cổ phần Eco Galaxy	46.628.746.333	23.314.373.166	46.628.746.333	23.314.373.166
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	19.440.000.000	9.720.000.000	19.440.000.000	9.720.000.000
Công ty Cổ phần Ecopetro	16.128.000.000	8.064.000.000	16.128.000.000	8.064.000.000
Các đối tượng khác	10.000.000.000	5.000.000.000	10.000.000.000	5.000.000.000
<i>Quá hạn trên 03 năm</i>				
Công ty TNHH Nhiên liệu Sài Gòn Đông Dương	2.990.460.847	1.449.272.124	2.990.460.847	1.449.272.124
<i>Quá hạn trên 03 năm</i>				
Công ty TNHH Nhiên liệu Sài Gòn Đông Dương	4.347.100.000		4.347.100.000	
+ Trả trước cho người bán				
<i>Quá hạn từ 02 năm - 03 năm</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị	2.460.000.000	1.230.000.000	3.360.000.000	1.230.000.000
Các đối tượng khác	2.200.000.000	1.100.000.000	2.200.000.000	1.100.000.000
<i>Quá hạn trên 03 năm</i>				
Trung tâm Phát triển nhà và Tư vấn Xây dựng	260.000.000	130.000.000	260.000.000	130.000.000
<i>Quá hạn trên 03 năm</i>				
Trung tâm Phát triển nhà và Tư vấn Xây dựng	900.000.000	-	900.000.000	-
+ Cho vay ngắn hạn				
<i>Quá hạn từ 02 năm - 03 năm</i>				
Công ty TNHH Kyeongin	31.160.748.805	15.580.374.402	31.160.748.805	15.580.374.402
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	10.434.568.000	5.217.284.000	10.434.568.000	5.217.284.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	20.726.180.805	10.363.090.402	20.726.180.805	10.363.090.402
	134.055.055.985	64.358.019.692	134.055.055.985	64.358.019.692

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	69.809.321.543	-	69.809.321.543	-
- Hàng hóa	15.942.230.303	-	15.942.230.303	-
- Hàng hóa Bất động sản (ii)	42.089.358.000	-	42.597.489.127	-
	127.840.909.846	-	128.349.040.973	-

(i) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh các dự án</i>	<i>29.290.000.000</i>	<i>-</i>	<i>29.290.000.000</i>	<i>-</i>
Chung cư 179C Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3 (*)	29.290.000.000	-	29.290.000.000	-
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh các công trình xây lắp</i>	<i>40.519.321.543</i>	<i>-</i>	<i>40.519.321.543</i>	<i>-</i>
Chi phí thi công tòa nhà Thành An Tower (**)	40.519.321.543	-	40.519.321.543	-
	69.809.321.543	-	69.809.321.543	-

Ghi chú:

(*) Giá trị tài sản 4 căn hộ tại 179C Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh theo Biên bản đấu giá tài sản ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Công ty Cổ phần Đấu giá Nam Giang tổ chức đấu giá tài sản. Hiện nay 4 căn hộ này chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu cho Công ty do vướng mắc về các thủ tục đấu giá tài sản.

(**) Là chi phí thi công xây dựng dự án Thành An Towers số 21 Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

(ii) Chi tiết Hàng hóa Bất động sản

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chuyển nhượng 70 Lô đất tại Thọ Xuân, Thanh Hóa (*)	42.089.358.000	-	17.089.358.000	-
Căn biệt thự nhà vườn số 42 tại Dự án Bất động sản Imperia Garden	-	-	25.508.131.127	-
	42.089.358.000	-	42.597.489.127	-

Ghi chú:

(*) Nhận chuyển nhượng 70 lô đất thuộc địa phận xã Xuân Phong, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Ông Đới Sỹ Thiệp.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ dùng trong quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	817.863.636	33.000.000	850.863.636
- Thanh lý, nhượng bán	(817.863.636)	-	(817.863.636)
Số dư cuối kỳ	-	33.000.000	33.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	240.174.993	33.000.000	273.174.993
- Khấu hao trong kỳ	11.203.611	-	11.203.611
- Thanh lý, nhượng bán	(251.378.604)	-	(251.378.604)
Số dư cuối kỳ	-	33.000.000	33.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	577.688.643	-	577.688.643
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 33.000.000 VND

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
- Chi phí lãi vay hỗ trợ	8.676.708.940	8.676.735.940
- Chi phí hoa hồng môi giới	1.962.160.209	1.962.160.209
	10.638.869.149	10.638.896.149

Công ty Cổ phần Quốc tế Holding

Số 45, Đường An Phú, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2021		Trong kỳ		30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Hưng</i>	24.315.666.358	24.315.666.358	-	24.315.666.358	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh (i)</i>	23.751.144.114	23.751.144.114	-	-	23.751.144.114	23.751.144.114
	48.066.810.472	48.066.810.472	-	24.315.666.358	23.751.144.114	23.751.144.114

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(i) Hợp đồng tín dụng số 19.2110043/2019-HĐCVHM/NHCT900-LANDMARK ngày 14 tháng 6 năm 2019 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, bảo lãnh và mở L/C;
- + Thời hạn vay: Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Theo từng Giấy nhận nợ;
- + Phương thức bảo đảm: Thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba, bao gồm: (i) Căn hộ (tầng 1 + tầng 2) tại 74 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh, chủ sở hữu là ông Hoàng Như Luận theo Hợp đồng thế chấp số 18.2500169/2018/HĐDB/NHCT900 ký ngày 27/6/2018;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2021 là 23.751.144.114 đồng.
- + Số dư nợ gốc vay quá hạn thanh toán tại thời điểm 30/6/2021 là 23.751.144.114 đồng.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Song Anh	40.289.388.825	40.289.388.825	40.289.388.825	40.289.388.825
- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	36.242.687.482	36.242.687.482	36.242.687.482	36.242.687.482
- Đới Sỹ Thiệp	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương Tây Đô	6.200.000.000	6.200.000.000	6.200.000.000	6.200.000.000
- Công ty Dầu khí Vĩnh Tường	4.183.100.000	4.183.100.000	4.183.100.000	4.183.100.000
- Phải trả các đối tượng khác	7.624.551.578	7.624.551.578	6.418.965.674	6.418.965.674
	119.539.727.885	119.539.727.885	93.334.141.981	93.334.141.981

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Tiền thu tiến độ dự án 21 Lê Văn Lương	149.996.845.595	149.996.845.595
- Nguyễn Anh Tuấn	20.500.000.000	-
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	321.044.370	321.044.370
	170.817.889.965	150.317.889.965

Công ty Cổ phần Quốc tế Holding

Số 45, Đường An Phú, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế thu nhập cá nhân	-	22.282.831	-	541.500	-	21.741.331
- Các loại thuế khác	-	-	4.685.000	4.685.000	-	-
	-	22.282.831	4.685.000	5.226.500	-	21.741.331

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	4.165.766.055	3.341.308.532
- Chi phí lãi phạt quá hạn	1.498.055.583	-
- Chi phí phải trả khác	160.273.972	160.273.972
	5.824.095.610	3.501.582.504

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	28.554.000	25.354.000
- Bảo hiểm xã hội	225.017.500	223.217.500
- Bảo hiểm y tế	72.772.500	69.172.500
- Bảo hiểm thất nghiệp	31.570.000	30.370.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.896.600.000	2.967.200.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	15.895.488.305
<i>Phải trả ông Lương Quang Vinh</i>	-	<i>15.895.488.305</i>
	3.254.514.000	19.210.802.305
b) Phải trả khác là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)</i>	-	15.895.488.305

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	256.299.950.000	(25.004.216.930)	231.295.733.070
Lỗ trong năm trước	-	(80.912.440.243)	(80.912.440.243)
Số dư cuối năm trước	256.299.950.000	(105.916.657.173)	150.383.292.827
Số dư đầu kỳ này	256.299.950.000	(105.916.657.173)	150.383.292.827
Lỗ trong kỳ này	-	(12.212.924.585)	(12.212.924.585)
Số dư cuối kỳ này	256.299.950.000	(118.129.581.758)	138.170.368.242

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Xuân Thùy	44.937.000.000	17,53%	-	0,00%
Ông Trần Thanh Tùng	15.581.500.000	6,08%	15.581.500.000	6,08%
Ông Nguyễn Thanh Tùng	14.850.000.000	5,79%	399.870.000	0,16%
Bà Nguyễn Thị Vui Mừng	12.789.150.000	4,99%	12.789.150.000	4,99%
Ông Nguyễn Hoàng Duy	12.346.620.000	4,82%	12.346.620.000	4,82%
Bà Đào Minh Hương	11.825.330.000	4,61%	-	0,00%
Ông Lương Quang Vinh	11.815.000.000	4,61%	11.815.000.000	4,61%
Bà Nguyễn Lan Hương	4.718.000.000	1,84%	-	0,00%
Ông Trương Hoàng Vũ	4.206.010.000	1,64%	-	0,00%
Ông Phạm Quốc Bình	-	0,00%	52.597.000.000	20,52%
Cổ đông khác	123.231.340.000	48,08%	150.770.810.000	58,83%
	256.299.950.000	100%	256.299.950.000	100%

c) Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.629.995	25.629.995
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	25.629.995	25.629.995
- Cổ phiếu phổ thông	25.629.995	25.629.995
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.629.995	25.629.995
- Cổ phiếu phổ thông	25.629.995	25.629.995
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh Bất động sản và dịch vụ đã cung cấp	21.945.327.671	3.282.406.116
	21.945.327.671	3.282.406.116

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh Bất động sản và dịch vụ đã cung cấp	25.689.949.309	308.234.545
	25.689.949.309	308.234.545

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.164.702	657.728.969
	<u>7.164.702</u>	<u>657.728.969</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.359.654.101	8.764.922.707
Lãi phạt quá hạn	2.676.382.262	-
Chiết khấu thanh toán, chi phí chậm trả	-	1.161.121.615
Lỗ do bán trái phiếu	-	28.590.500
	<u>7.036.036.363</u>	<u>9.954.634.822</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	322.374.960	-
	<u>322.374.960</u>	<u>-</u>

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí đồ dùng văn phòng, vật liệu quản lý	1.401.237	11.681.438
Chi phí nhân công	307.121.025	2.473.359.653
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.203.611	264.279.729
Chi phí dự phòng	-	41.100.804.710
Thuế, phí, và lệ phí	107.685.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	304.978.603	1.461.367.284
Chi phí khác bằng tiền	-	1.510.615.511
	<u>732.389.476</u>	<u>46.825.108.325</u>

26. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Thu nhập khác	-	10.500.000
	-	10.500.000

27. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Xử lý hàng tồn kho không thể sử dụng	-	15.942.230.303
Phạt do thanh lý hợp đồng thuê trước hạn	-	269.652.240
Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	384.666.850	168.261.242
Chi phí khác	-	11.265.000
	384.666.850	16.391.408.785

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(12.212.924.585)	(69.528.751.392)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	30.925.007.251
- Chi phí không hợp lệ	-	30.925.007.251
Thu nhập chịu thuế TNDN	(12.212.924.585)	(38.603.744.141)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(12.212.924.585)	(69.528.751.392)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(12.212.924.585)	(69.528.751.392)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.629.995	25.629.995
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(477)	(2.713)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.715.259.644	-	1.322.793.269	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	143.881.873.581	(69.697.036.293)	142.873.098.114	(69.697.036.293)
Các khoản cho vay	31.160.748.805	-	36.670.748.805	-
	178.757.882.030	(69.697.036.293)	180.866.640.188	(69.697.036.293)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	23.751.144.114	48.066.810.472
Phải trả người bán, phải trả khác	122.794.241.885	112.544.944.286
Chi phí phải trả	5.824.095.610	3.501.582.504
	152.369.481.609	164.113.337.262

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2021	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương ti	3.715.259.644	-	-	3.715.259.644
Phải thu khách hàng, phải thu khác	74.184.337.288	500.000	-	74.184.837.288
Các khoản cho vay	31.160.748.805	-	-	31.160.748.805
	109.060.345.737	500.000	-	109.060.845.737

Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương ti	1.322.793.269	-	-	1.322.793.269
Phải thu khách hàng, phải thu khác	73.175.561.821	500.000	-	73.176.061.821
Các khoản cho vay	36.670.748.805	-	-	36.670.748.805
	111.169.103.895	500.000	-	111.169.603.895

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2021	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	23.751.144.114	-	-	23.751.144.114
Phải trả người bán, phải trả khác	122.794.241.885	-	-	122.794.241.885
Chi phí phải trả	5.824.095.610	-	-	5.824.095.610
	152.369.481.609	-	-	152.369.481.609
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	48.066.810.472	-	-	48.066.810.472
Phải trả người bán, phải trả khác	112.544.944.286	-	-	112.544.944.286
Chi phí phải trả	3.501.582.504	-	-	3.501.582.504
	164.113.337.262	-	-	164.113.337.262

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Lương Quang Vinh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (hiện đã miễn nhiệm)
Trương Hoàng Vũ	Tổng Giám đốc kiêm TV Hội đồng Quản trị (hiện đã miễn nhiệm)
Đoàn Thế Linh	Thành viên Hội đồng Quản trị (hiện đã miễn nhiệm)

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Mượn tiền	132.000.000	1.050.000.000
Lương Quang Vinh	132.000.000	1.050.000.000
Trả tiền	16.027.488.305	4.340.000.000
Lương Quang Vinh	16.027.488.305	4.340.000.000
Cán trừ công nợ tạm ứng với khoản Vay ngân hàng	-	19.084.891.282
Lương Quang Vinh	-	19.084.891.282
Tạm ứng	812.511.695	700.000.000
Lương Quang Vinh	812.511.695	
Trương Hoàng Vũ	-	100.000.000
Đoàn Thế Linh	-	600.000.000
Hoàn ứng	63.000.000	720.000.000
Trương Hoàng Vũ	-	100.000.000
Đoàn Thế Linh	63.000.000	620.000.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khác ngắn hạn	-	80.000.000
Đoàn Thế Linh	-	80.000.000
Phải trả khác ngắn hạn	-	2.365.175.460
Lương Quang Vinh	-	2.365.175.460

Công ty Cổ phần Quốc tế Holding
Số 45, Đường An Phú, Phường An Phú, Thành phố
Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến
ngày 30/06/2021

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	190.800.000	1.030.200.000

Chi tiết thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 như sau:

Thu nhập của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức danh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Ông: Lương Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT	80.400.000
Ông: Trương Hoàng Vũ	Tổng Giám đốc	110.400.000

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2021

Phạm Đức Thọ

Trần Thị Thu Trang



Tổng Giám đốc

Nguyễn Lan Hương